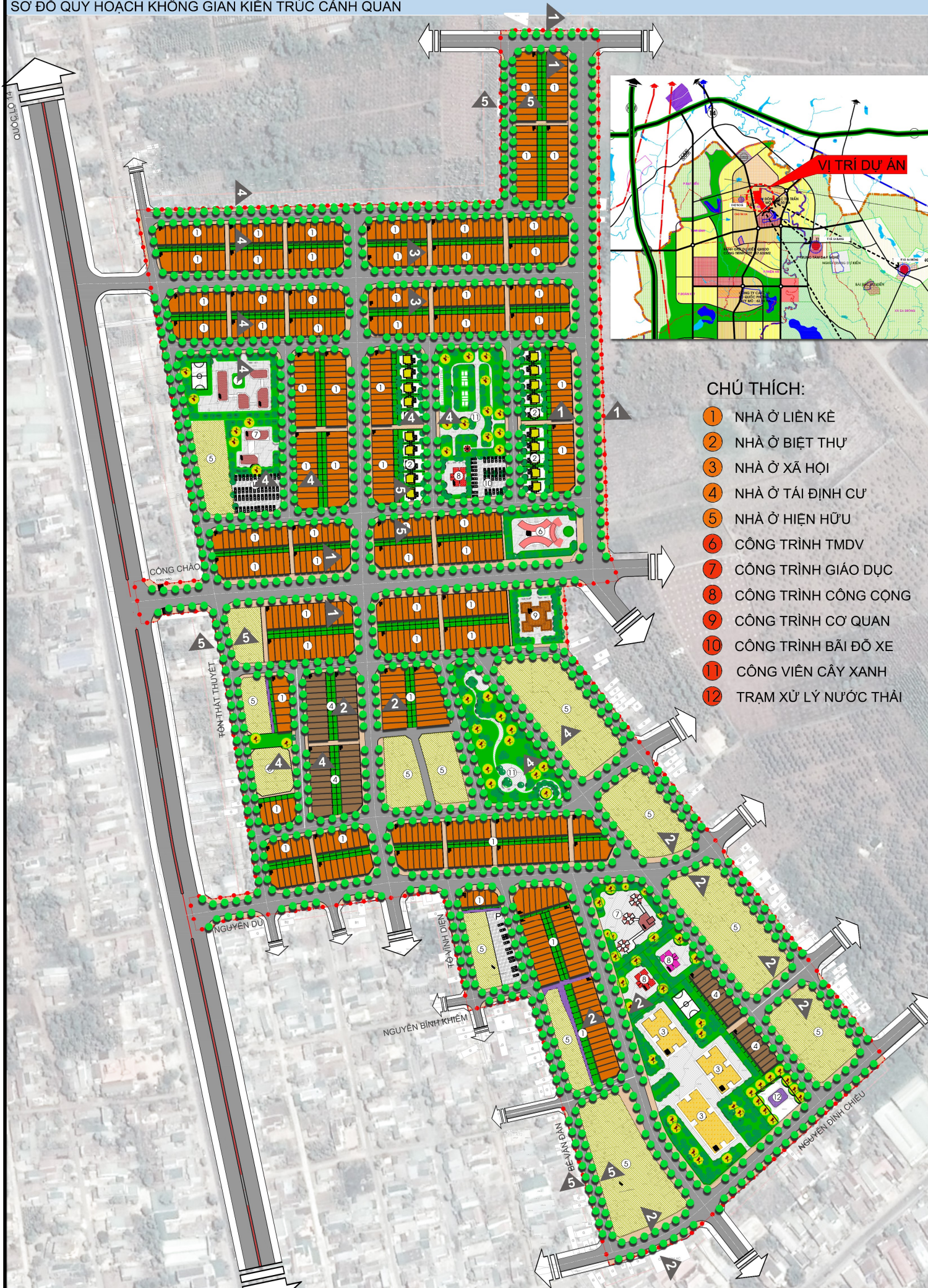


KHU DÂN CƯ ĐÔ THỊ TÂY BẮC II, PHƯỜNG AN LẠC, THỊ XÃ BUỒN HỒ (TỶ LỆ 1/500)

THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT: SỐ 1536/QĐ-UBND, NGÀY 06 THÁNG 5 NĂM 2021 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUỒN HỒ
CHỦ ĐẦU TƯ: LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - QUẢNG CÁO - XÂY DỰNG - ĐỊA ỐC VIỆT HÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM QUANG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỆT NAM IDC

SƠ ĐỒ QUY HOẠCH KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN



CHÚ THÍCH:

- ① NHÀ Ở LIÊN KẾ
- ② NHÀ Ở BIỆT THỰ
- ③ NHÀ Ở XÃ HỘI
- ④ NHÀ Ở TÁI ĐỊNH CƯ
- ⑤ NHÀ Ở HIỆN HỮU
- ⑥ CÔNG TRÌNH TMDV
- ⑦ CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC
- ⑧ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
- ⑨ CÔNG TRÌNH CƠ QUAN
- ⑩ CÔNG TRÌNH BÃI ĐỖ XE
- ⑪ CÔNG VIÊN CÂY XANH
- ⑫ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

PHÔI CẢNH TỔNG THỂ



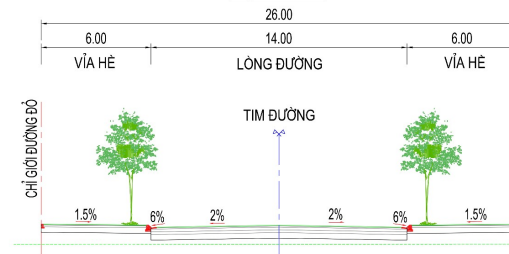
BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

TT	TÊN LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH ĐÃ PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1483/QĐ-UBND NGÀY 22/4/2015 CỦA UBND THỊ XÃ BUỒN HỒ (M ²)	DIỆN TÍCH ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH (M ²)	TĂNG GIẢM (M ²)	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
	Ranh giới quy hoạch		270045	291354,29	21309,29	Bổ sung quỹ đất giao thông phía đông khu vực lập quy hoạch đảm bảo kết nối hạ tầng khu vực với khu Tây Bắc 1 và Đường Hùng Vương
A ĐẤT Ở						
1	Đất ở mới	LK, BT	73156	82183,61	9027,61	Điều chỉnh phương án quy hoạch phù hợp QCVN 01/2019
	Đất nhà ở liên kế	LK	59347	76843,20	17496,20	
	Đất nhà ở biệt thự	BT	13809,0	5340,41	-8468,59	
	Đất nhà ở xã hội	OXH	18588,0	11439,26	-7148,74	
2	Đất nhà ở tái định cư, hiện hữu cải tạo	TĐC, OHT	35254,0	41424,92	6170,92	Đánh giá lại hiện trạng sử dụng đất thực tế
	Đất ở tái định cư	TĐC	9562,0	6953,19	-2608,81	
	Đất ở hiện hữu	OHT	25692,0	34471,73	8779,73	
	Đất thương mại dịch vụ	TMDV	3411,0	2443,25	-967,75	
B	Đất giao dịch	GD	13457,0	9621,34	-3835,66	Điều chỉnh phương án quy hoạch phù hợp QCVN 01/2019
D	Đất công cộng đơn vị ở	CC, YT	4384,0	3738,34	-645,66	
	Đất công trình văn hóa	CC	3226,0	2338,34	-887,66	
	Đất công trình y tế	YT	1158,0	1400,00	242,00	
E	Đất cây xanh đơn vị ở	CX	13290,0	10826,77	-2463,23	Điều chỉnh phương án quy hoạch phù hợp QCVN 01/2019
F	Đất cơ quan	CQ	1158,0	1995,06	837,06	
G	Đất bãi đỗ xe	BDX		3433,34	3433,34	
H	Đất hạ tầng kỹ thuật			2167,77	2167,77	
I	Đất giao thông	GT	107347	122080,63	14733,63	

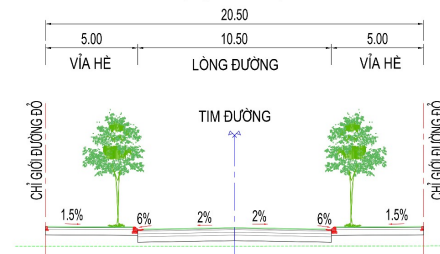
HÌNH ẢNH MINH HỌA



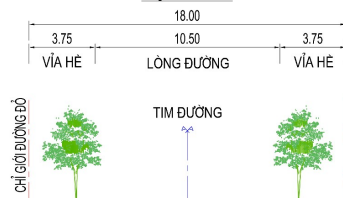
MẶT CẮT 1-1



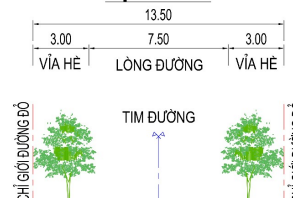
MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4



MẶT CẮT 5-5

